

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 – 11 – 2019  
*V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Chính, ông Y Mung Niê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Bị đơn:** Anh Đặng Tiến D – Sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2019, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:***

Chị và anh Đặng Tiến D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống không có sự đồng cảm, chia sẻ trong cuộc sống và trong sinh hoạt.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đặng Tiến D.

Về con chung: Chị và anh D có 04 con chung là các cháu:

1. Đặng Tiến H1 – Sinh ngày : 04/11/2007
2. Đặng Gia H2 – Sinh ngày : 15/7/2011.
3. Đặng Gia H3 – Sinh ngày : 15/7/2011.
4. Đặng Gia H4 – Sinh ngày : 15/7/2011.

Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Gia H3 và Đặng Gia H4 đến khi đủ 18 tuổi. Chị T đồng ý giao 02 cháu Đặng Tiến H1 và Đặng Gia H2 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Tiến D trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống không có sự đồng cảm, chia sẻ trong cuộc sống và trong sinh hoạt.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 04 con chung là các cháu:

1. Đặng Tiến H1 – Sinh ngày : 04/11/2007
2. Đặng Gia H2 – Sinh ngày : 15/7/2011.
3. Đặng Gia H3 – Sinh ngày : 15/7/2011.
4. Đặng Gia H4 – Sinh ngày : 15/7/2011.

Anh D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Tiến H1 và Đặng Gia H2 đến khi đủ 18 tuổi. Anh D đồng ý giao 02 cháu Đặng Gia H3 và Đặng Gia H4 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi..

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác minh, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời

hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn anh Đặng Tiến D đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Tiến D là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Đặng Tiến H1 (Sinh ngày: 04/11/2007) và cháu Đặng Gia H2 (Sinh ngày: 15/7/2011) cho anh Đặng Tiến D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Đặng Gia H3 (Sinh ngày: 15/7/2011) và cháu Đặng Gia H4 (Sinh ngày: 15/7/2011) cho chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn anh Đặng Tiến D hiện đang cư trú tại thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Tiến D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống không có sự đồng cảm, chia sẻ trong cuộc sống và trong sinh hoạt. Do đó, chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Tiến D.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Tại khoản 3 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Tiến D chung sống với nhau từ năm 2007, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, do cuộc sống giữa chị T, anh D có những mâu thuẫn. Đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Gia H3 và Đặng Gia H4 đến khi đủ 18 tuổi, các cháu Đặng Gia H3 và Đặng Gia H4 cũng có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Kim T. Anh Đặng Tiến D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Tiến H1 và Đặng Gia H2 đến khi đủ 18 tuổi, các cháu Đặng Tiến H1 và Đặng Gia H2 cũng có nguyện vọng ở với bố là anh Đặng Tiến D. Xét nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đặng Gia H3 và Đặng Gia H4 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu Đặng Tiến H1 và Đặng Gia H2 cho anh Đặng Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đặng Tiến D.

**2.** Về con chung:

- Giao cháu Đặng Gia H3 (Sinh ngày: 15/7/2011) và cháu Đặng Gia H4 (Sinh ngày: 15/7/2011) cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Đặng Tiến H1 (04/11/2007) và cháu Đặng Gia H2 (Sinh ngày: 15/7/2011) cho anh Đặng Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi

Chị Nguyễn Thị Kim T, anh Đặng Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014320 ngày 06/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- CCTHADS huyện Krông Búk;
- UBND xã C;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**